

Công hạnh và đạo nghiệp Ni trưởng Huỳnh Liên

Ni trưởng Tố Liên

Giáo phẩm thường trực Ni giới HPKS

Ni trưởng Huỳnh Liên (1923 - 1987) là vị giáo phẩm Ni thuộc thế hệ đầu tiên của Đạo Phật Khất sĩ Việt Nam được Đức Tổ sư Minh Đăng Quang khai đạo và trở thành Trưởng tử Ni của Ngài.

Người sanh trưởng trong một gia đình Nho học uyên thâm, thâm nhuần đạo đức và tin Phật dạt dào. Thuở thiếu thời đã học xong chương trình Trung học, giỏi chữ Hán, được bồi dưỡng kiến thức và ảnh hưởng gương sáng của gia đình, khiến nên người con gái trong lứa tuổi đôi mươi làng Phú Mỹ đã trở thành thông tuệ, kiến văn sâu rộng, quyết định đồng mãnh cắt ái ly gia, với hạnh nguyện làm chiếc thuyền từ chuyên chở phái nữ vượt bể khổ sông mê. Rồi suốt cuộc đời gắn bó với Đạo, hoạt Phật, hoạt Pháp, hoạt Tăng, vân du hóa độ chúng sanh không mòn mỏi. Đồng thời với quê hương, góp phần kiên cường đấu tranh đòi quyền sống, đòi hòa bình, dân sinh dân chủ và đòi giải phóng đất nước thân yêu. Một nữ tu tay mềm chân yếu mà suốt cuộc đời kiên định lập trường nhập trần bất nhiễm, tùy duyên bất biến, bất biến vẫn tùy duyên. Quả là một vị Bồ tát nghịch hạnh, một bậc chân tu khả kính, một vị lãnh đạo tài ba, một bậc Thầy ưu việt với công hạnh tuyệt vời, tinh thần bất khuất, trí đức viên dung.

1. Thuần thực trong nếp tu trong sáng và nền tảng giác ngộ đoàn kết lợi sanh.

Bản tính vốn thông minh đỉnh ngộ, đức từ rộng bủa độ sanh linh, thương người như Phật thương mình, độ người như Phật độ sinh thưở nào, ánh sáng giác ngộ của Ni trưởng như hòa quyện cùng nguồn tâm, cùng đức hạnh, cùng hương thơ lan tỏa bốn phương trời, diệu dụng tuyệt vời chuyển xoay nghiệp khổ, cứu độ hàm linh.

Giăng tay dắt con thuyền hoằng thệ, thả trên mặt bể, an trí kẻ trầm;

Trải lòng đan chiếc áo từ tâm, choàng khắp cõi trần, ấm thân người thế.

(Thơ NT. Huỳnh Liên - Đường Giải Thoát)

Suốt tám năm trời theo bước chân Tổ sư du phương, qua những bài chân lý thật sống, bằng những thử thách gay go trên đường hành đạo, Ni trưởng vừa trui rèn chí khí, vừa dồi trau phẩm hạnh, hầu khai thị Pháp thân,

nói truyền huệ mạng, tuyên lưu giáo pháp Phật Đà, Người đã trở thành pháp khí chốn Tông lâm. Với lòng từ vô hạn, bằng tâm hạnh người mẹ, người chị thân thương, Ni trưởng ân cần dạy dỗ Ni chúng về mọi mặt, nào kinh nghiệm tu tập, hành đạo, đối nhân xử thế, tích đức gieo duyên, kinh nghiệm xương minh diệu pháp cho đến mặt chữ nghĩa thi phú văn chương.

Cho nên, bước chân Người đi đến đâu là Đạo tràng Tịnh xá mọc lên đến đó, giống như những búp sen thanh thoát vọt lên từ nước đọng bùn lầy. Đây là điểm thành công đặc biệt của Ni trưởng trong sự nghiệp hoằng pháp độ sanh.

Từ năm 1947 - 1987, bốn mươi năm hoằng dương Phật đạo, thuyết Pháp độ sanh, bốn mươi năm giáo dưỡng chúng Ni, truyền trì mạng mạch, Người đã *“lâng lâng tâm cảnh, khăng khăng chí nguyện”*. Nhờ bi nguyện bao la, đức độ từ hòa, sức tinh tấn không mòn mỏi, chiếc *“Thuyền sen”* của Ni trưởng đã vượt qua bao ghềnh thác, vượt sóng cả biển to về bến đỗ an toàn, thành đạt nhiều kỳ công kiên cường, dũng cảm.

Bốn mươi năm vinh nhục khen chê chẳng ngại, khó khăn gian khổ không màng, những chiếc áo vàng của Ni trưởng và Ni giới Hệ phái Khất sĩ đã uyển chuyển hiền hòa trong sương chiều nắng sớm, khi trung thổ, lúc sơn xuyên, xuôi ngược sông Tiền, sông Hậu, băng đèo vượt dốc, đến tận đồi núi Tây Nguyên, hội nhập vào lòng người, hiện diện khắp các tỉnh thành, quận huyện, khắp Nam Trung và cao nguyên, duyên hải. Nhờ thuần thực trong nếp tu trong sáng, nhờ nên tảng giác ngộ đoàn kết lợi sanh, nên ánh sáng công hạnh trí tuệ của Ni trưởng gieo trồng đến đâu là hoa Giác quả Thiên xinh tươi đơm cành đến đó. Hội chúng xuất gia Ni giới càng lúc càng đông, lên đến cả ngàn; thiện nam tín nữ lớp lớp hàng hàng nương ánh từ quang tinh cần tu tiến.

Ni trưởng viên tịch năm 1987, từ Cam Lộ đến Cà Mau đã có 144 ngôi Tịnh xá đạo tràng, trên 144 thửa đất vàng khang trang thanh lịch vốn là cơ sở chi nhánh của Tổ đình Tịnh xá Ngọc Phương, Trung ương Ni giới Hệ phái. Đây chính là sự nghiệp hoằng dương Chánh pháp của Ni trưởng, cũng chính là hiếu đạo Ni trưởng báo đền Phật Tổ thâm ân.

2. Quá trình đấu tranh của Ni Trưởng Huỳnh Liên và Tịnh xá Ngọc Phương

Vào giai đoạn 1960 – 1975, lúc bấy giờ, miền Nam bước vào thời kỳ của khúc quanh lịch sử. Noi gương hạnh đức Bồ tát Phổ Hiền, nói chí các Thiên sư Vạn Hạnh và Khuông Việt, Ni trưởng Huỳnh Liên – vị chân tu giàu lòng yêu nước kiên định lập trường, chủ trương đem Đạo vào đời, nhập trần bất nhiễm, tùy duyên bất biến, bất biến vẫn tùy duyên.

Trước cảnh chết chóc vô nghĩa của nhân sanh, bom đạn rền trời, thân người chồng chết, con mất cha, vợ mất chồng, tiếng khóc cùng tiếng pháo nổ hòa nhau thành tiếng căm hờn của người dân Nam bộ, cảnh nhà cháy, ruộng hoang, người người bị bắt giam, bị hành hình tra tấn. Trong đó, tín đồ Phật giáo chịu quá nhiều áp bức, bất công, đầy đầy thống khổ, xã hội tinh thần ngày càng xuống dốc, xuống dốc trầm trọng đã khiến Bồ tát không yên lòng, không thể bàng quan tọa thị, an trú thiên môn, Ni trưởng kiên cường đứng hẳn về phía nhân dân, lãnh đạo hàng Ni giới Khất sĩ và tín đồ Phật tử vào gông xiềng để bẻ gãy xiềng gông, xông ngực tù để phá tan tù ngục, đấu tranh đô thị, chống Mỹ Diệm kiên trì, đòi tự do tín ngưỡng, quyền dân chủ dân sinh, đòi cơm áo hòa bình, đòi công bằng xã hội. Trong phong trào đấu tranh sôi nổi này của Phật giáo, Hệ phái Khất sĩ có hai Ni cô tự thiêu là Ni cô Liên Nhuận ở Quảng Trị và Ni cô Liên Tập ở Ninh Thuận - Phan Rang.

Lúc này, dưới sự lãnh đạo của Hòa thượng Thích Thiện Hoa, trụ trì chùa Ấn Quang - Sài Gòn, phong trào Phật giáo lên cao, đấu tranh rất sôi nổi. Phần tịnh xá Ngọc Phương là cơ sở đấu tranh, cơ sở đóng góp tài lực, vật lực cho cách mạng ở nhiều đơn vị, ảnh hưởng sâu rộng đến các tỉnh Trung bộ như Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam - Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Gia Lai, Kon Tum... và các tỉnh Nam bộ như Cần Thơ, Sa Đéc, Sóc Trăng...

Lại nữa, dân tộc Việt Nam ta thuở ấy sống dưới chế độ cai trị hà khắc của gia đình trị Ngô Đình Diệm. Chính quyền Diệm âm mưu phá hoại Hiệp định Genève, làm tay sai cho Mỹ.

Năm 1959, Ngô Đình Diệm ra “Luật 10/59”, lê máy chém đi khắp miền Nam nhằm dập tắt phong trào yêu nước đấu tranh đòi hòa bình thống nhất của nhân dân miền Nam. Máy chém lê đến đâu, lòng căm phẫn dâng lên đến đó.

Năm 1960, phong trào “Đồng Khởi Bến Tre” đã lan rộng khắp miền Nam. Phong trào xuống đường đấu tranh rầm rộ, khiến nhà cầm quyền Ngô Đình Diệm run sợ.

Ngô Đình Diệm thực hiện chính sách kỳ thị, đàn áp Phật giáo, cao điểm là năm 1963 tại Huế, Ngô Đình Diệm điên cuồng ra lệnh cấm Phật giáo treo cờ và không được ra đường trong mùa Phật đản.

Trước thái độ phi lý vô đạo của chính quyền Ngô Đình Diệm, giới Phật giáo cương quyết đấu tranh, vẫn treo cờ và tổ chức lực lượng hùng hậu rước ảnh Phật xuống đường. Chúng cho xe tăng cán chết thanh thiếu niên Phật tử. Sau đó, chúng đã dùng lực lượng quân sự đàn áp dã man, đâm máu đồng bào. Chúng lùng bắt thành phần quan trọng của Phật giáo

và những người yêu nước cho nhốt vào “Khu chín hầm”. Nơi đó là địa ngục của trần gian.

Cuộc đàn áp dã man này khiến nhiều người chết và bị thương được báo chí trong nước, ngoài nước đăng tin phản đối và nhân dân Việt Nam vô cùng căm phẫn, nên nhiều phong trào Phật giáo và Sinh viên học sinh ở miền Nam đồng loạt nổi dậy chống lại chế độ hà khắc, bất nhân của gia đình họ Ngô.

Tại thành phố Sài Gòn, Hòa thượng Thích Quảng Đức đã tự thiêu để phản đối chính sách “đàn áp Phật giáo” của Ngô Đình Diệm. Ngọn lửa Thích Quảng Đức bùng lên khắp miền Nam.

Nhân dân lao động, những người yêu nước, yêu hòa bình rầm rộ xuống đường ủng hộ cuộc đấu tranh “đả đảo Ngô Đình Diệm” của Phật giáo.

Nhà cầm quyền ra sức dùng vũ lực đàn áp phong trào, chẳng khác nào lửa đổ dầu thêm. Xuống đường và xuống đường, chỉ còn một con đường đấu tranh giành quyền sống hay là chết. Liên tục các cuộc mít tinh liên tỉnh nổ ra khắp nơi, từ Thừa Thiên Huế đến Đà Nẵng, từ Sài Gòn đến Mũi Cà Mau.

Năm 1963, chế độ độc tài Ngô Đình Diệm sụp đổ. Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu bị phái đảo chính Dương Văn Minh giết chết gần nhà thờ Cha Tam.

Từ năm 1963 đến tháng 2 năm 1965, Tịnh xá Ngọc Phương trở thành địa chỉ đỏ, nơi hội tụ phong trào Phật Giáo Yêu Nước và phong trào Sinh viên xuống đường. Rất nhiều các nhà văn, nhà thơ, nhà báo, nhà trí thức lui tới Tịnh xá đàm đạo với Ni trưởng Huỳnh Liên, trong đó có kỹ sư Nguyễn Văn Cước (ngành đường sắt), kỹ sư Dương Văn Đại (ngành đường sắt), kỹ sư Đặng Phước Chỏi (thương gia) và nhà văn Thuận Phong. Các vị lui tới đàm đạo văn thơ, nhưng nội dung chính lại nói về cách mạng, nói về Bác Hồ, về tình hình trong nước và ngoài nước.

Nhiều lần có những vị ăn mặc rất sang trọng giống như các thương gia Sài Gòn Chợ Lớn đi Vespa tới dựng ở cửa chùa vào đàm đạo cùng với Ni trưởng Huỳnh Liên, trong đó có cả ông Sáu Tường (tức Nguyễn Vĩnh Nghiệp), phụ trách An ninh T4 cũng có mặt. Bọn cảnh sát ngồi canh bên ngoài cổng, nhưng cũng không hỏi, vì trông các vị quá lịch sự, sang trọng. Hội họp xong, cả 4 vị lại lấy xe máy ra về an toàn.

Hoạt động của Tịnh xá Ngọc Phương vốn mạnh mẽ lên rất nhiều với sự giúp đỡ của An ninh T4 và các vị Dân biểu đối lập như nhà báo Kiều Mộng Thu, nhà báo Hồ Ngọc Nhuận, Dân biểu đối lập Nguyễn Văn Hàm,

luật gia Ngô Bá Thành, chủ tịch Tổng hội Sinh viên Huỳnh Tấn Mẫm, sinh viên Trần Thị Lan, sinh viên Cao Thị Quế Hương.

Tỉnh xá Ngọc Phương là cái nôi của phong trào quần chúng đấu tranh.

Ni trưởng Huỳnh Liên vẫn duy trì việc đi giảng đạo phát triển Hệ phái, đào tạo tăng tài, kế vãng khai lai, vẫn tập hợp lực lượng, sẵn sàng xuống đường đấu tranh không mệt mỏi. Ni trưởng đã quyết vào chốn thác ghềnh nguy hiểm để tiến hành những phong trào “xuống tóc vì hòa bình” (18/10/1970), biểu tình chống Mỹ và chính quyền tay sai (25/10/1970), biểu tình đòi thả tù nhân chính trị (1/1/1971), tổ chức họp báo “Nhân dân đòi cơm áo, Phật giáo đòi hòa bình”, “Nông dân đòi quyền sống” (tháng 4/1971)... Đặc biệt ngày 2/8/1971, mốc thời gian đánh dấu cho bước phát triển toàn diện các hoạt động yêu nước của Ni trưởng, đó là việc Ni trưởng tham gia thành lập và giữ vai trò Cố vấn trưởng, bà luật sư Ngô Bá Thành là chủ tịch phong trào Phụ Nữ Đòi Quyền Sống được ra mắt tại chùa Ấn Quang, trụ sở của phong trào đặt tại Tỉnh xá Ngọc Phương. Lúc đầu, phong trào quy tụ 15 đoàn thể phụ nữ, sau lên đến trên 20 tổ chức phụ nữ ở các đô thị miền Nam, tập hợp trong Mặt Trận Đấu Tranh Đòi Hòa Bình. Các năm tiếp sau, Ni trưởng tiếp tục tham gia thành lập Mặt Trận Nhân Dân Tranh Thủ Hòa Bình do cụ Đặng Văn Ký làm chủ tịch.

Đặc biệt, trong giai đoạn 1970 - 1975, Ni trưởng là Ủy viên Mặt Trận Nhân Dân Cứu Đói, Ni giới Khất sĩ trở thành một trong những lực lượng chủ lực của phong trào nhân dân trong cuộc đối đầu trực diện với kẻ thù. Biểu tình “xa luân chiến”, tuyệt thực trước Dinh Độc Lập mấy tuần lễ liền... đã làm cho cả thế giới ngạc nhiên, đồng thời nước ta rất tự hào về “Đội Quân Đầu Tròn” do Ni trưởng lãnh đạo. Sau đó, Ni trưởng tiếp tục những cuộc đấu tranh gian khổ, nhập phong trào quần chúng, đấu tranh không súng không gươm, chỉ bằng đức trí tuệ, tính kiên trung, không ngại dầu sôi lửa bỏng, tích cực hy sinh cho nền độc lập tự do của đất nước và chính nghĩa của dân tộc Việt Nam.

Hai năm cuối cùng (1973 - 1975) là giai đoạn gay go nhất cho Ni trưởng: lớp bị địch bao vây, cô lập, hăm dọa, len lỏi vào nội bộ làm lung lạc chư Ni... Ni trưởng phải vận dụng mọi nỗ lực và óc sáng tạo của mình để lèo lái vượt qua thử thách khó khăn. Nhờ đức Bi - Trí - Dũng, kiên trì, vong kỷ, lợi tha và tinh thần vô úy, Ni trưởng tự tại, thông dong, an nhiên thực hành hạnh Bồ tát nghịch cho đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng. Riêng Tỉnh xá Ngọc Phương, nơi trụ xứ của Ni trưởng cũng lâm vào cảnh khổ nạn tù đầy, do sự giám sát của cảnh sát nổi chìm và kềm gai

phong tỏa suốt ngày đêm, từ 27/10/1974 đến 12 giờ trưa 29/4/1975 mới được buông tha.

3. Thực hành Bồ Tát hạnh

Như Phật tử Tâm Thủ đã nhận định: “*Trái tim Ni Trưởng Huỳnh Liên luôn hoà nhập với xã hội, bắt mạch được cuộc sống con người.¹ Chính đức từ bi của Người đã đem lại hạnh phúc cho biết bao gia đình, bao trẻ mồ côi bất hạnh, bao lớp dân nghèo. Trí tuệ của Người như thần thông, thấy rõ giả chân của cuộc sống, để tìm ra chân lý cứu khổ, đã được các giới đồng bào, sĩ, nông, công, thương cảm phục, noi gương*”. Thật vậy, Ni Trưởng đã có một tấm lòng vì Đạo vì Đời mênh mông bát ngát như biển khơi. Bên cạnh việc xây dựng Tịnh xá đạo tràng, tiếp độ chúng sanh, để thiết thực hàn gắn vết thương chiến tranh, Người chủ trương xây cất nhiều Cô nhi viện để nuôi dưỡng những đứa trẻ bất hạnh trong đời, nạn nhân đầu xanh vô tội, hậu quả của chiến tranh và đế quốc. Nhìn những đứa trẻ mồ côi lớn lên mang nhiều dòng máu, nhiều màu da sắc thái dân tộc, chúng ta càng thấy rõ thế nào là tình thương bao la, là tâm từ không biên giới của Ni Trưởng. Cô nhi viện Nhất Chi Mai bên cạnh Tịnh xá Ngọc Uyển – Cầu Hang – Biên Hoà trước đây là Cơ sở Từ thiện Trung ương của Ni giới Khất sĩ, vì tọa lạc trên một vùng đất rộng, cao, thoáng, mát và một số Cô Ký Nhi Viện khác cũng nằm trong khuôn viên Tịnh xá ở các tỉnh thành khắp Nam, Trung. Riêng Tịnh xá Ngọc Phương bắt đầu nuôi trẻ mồ côi từ đầu năm 1966. Dưới sự điều hành của Ni Trưởng, các em bé được chur Ni cung dưỡng, săn sóc rất đặc biệt, nhiệt tình, vì ở giai đoạn đầu nên trên dưới chỉ khoảng 15 em. Ở đó, có một kỷ niệm mà tôi không thể nào quên được là đôi mắt u buồn vương ngấn lệ của Ni Trưởng khi Người đang ở Cần Thơ, vừa hay tin Huệ Phục, một bé trai mồ côi thông minh, khẩu khinh sớm lìa đời. Tuổi em bé chỉ vừa đúng thôi nôi nên không chịu nổi những cơn sốt cao dập dồn tới tấp, mặc dù em được quý Sư cô và các Bác sĩ Chuyên khoa tại Bệnh viện Nhi Đồng tận tâm chăm sóc đủ cách. Rời Cần Thơ, về ngay Ngọc Phương, Ni Trưởng đã không ngăn được cảm xúc của mình qua những vần thơ ấm đậm tình Mẹ, tình Thầy do Người sáng tác và cũng chính Người đọc bên nắm mồ của em.

*“Thầy kỳ vọng nơi con,
Sau học thành bác sĩ,
Phục vụ khắp thế nhơn,
Đền công ơn tín thí*

¹ Tập Kỷ yếu Ni trưởng tr.201.

*Dè đâu con vẫn số,
Tuổi vừa đúng thôi nôi,
Đã theo người thiên cổ,
Lúc Thầy đi xa xôi.*

*Thầy đi, con mới bệnh,
Thầy về, thấy năm mờ.
Người lớn, trông âm kín,
Con bé, lại đơn cô !”*

(Trích bài “Đề nhớ Huệ Phục”

trong tập thơ Ni Trưởng Huỳnh Liên tr.388-390)

Ôi! Lời thơ sao mà giản dị, trong sáng, lại diễn cảm, tượng hình, ngập tràn năng lượng từ ái vô biên khiến chư Ni hiện diện thấy đều nghẹn ngào xúc động.

Ngoài ra, với tinh thần tích cực nhập thế, Ni Trưởng đặc biệt hướng về con đường từ thiện xã hội, những muốn đem Ánh Đạo Vàng đến tận mỗi tâm hồn qua hạnh bố thí, mong xoa dịu những nỗi đau vật chất, để từ đó mưa pháp nhuận thấm tinh thân. Người còn mở trường dạy học từ thiện, làm việc phúc lợi, ủng hộ bệnh viện, khám đường, giúp người neo đơn bất hạnh.

Lúc bấy giờ, hoàn cảnh đất nước chiến tranh ngày càng bộc phát, dân tộc ta, nhất là đồng bào ở thôn quê bị thất thoát mùa màng, vườn ruộng hoang sơ, trở thành nạn nhân trực tiếp của chiến cuộc, vừa lâm cảnh đói nghèo, vừa miên man bệnh hoạn, lại thêm nạn hoả tai, lụt lội triền miên... Động mỗi từ tâm, đêm ngày tìm phương ban vui cứu khổ, Ni Trưởng đã viết nhiều bài thơ phản chiến, tiêu biểu như bài “Vì Ai” (chưa in). Người cổ động Ni chúng và Phật tử khắp Nam Trung nhịn ăn, nhịn mặc, nhịn tiêu pha xa xỉ góp phần ủng hộ tài vật thường xuyên để Người gởi giúp đồng bào, xoa dịu niềm đau nỗi khổ.

4. Đào tạo nhân tài kế vãng khai lai

Suốt cuộc đời vì Đạo, vì nhân sanh, sống thanh bần giản dị, ăn mặc bệnh đơn sơ, thế mà oằn vai nặng gánh:

*Vai chạy gạo, y xiêm nuôi chúng,
Vai nặng oằn đôi gióng nước non.
Vai hoằng dương diệu pháp môn,*

Đôi vai trĩu trĩu, lòng son chẳng đời.

Từng sát na sống của Người đạt dào ý nghĩa, từng sát na vận chuyển trí tâm, uơm mầm giác ngộ cho chư Ni trẻ, hoạch định chương trình đào tạo nhân tài kế vãng khai lai cho Hệ phái. Người mạnh dạn chủ trương không chấp nê thủ cựu, dám thay đổi hướng tu, cho Ni chúng đi học và sản xuất để có đời sống kinh tế tự túc, không phải lệ thuộc vào sự cúng dường của đàn na. Chính nhờ khởi xướng táo bạo đó mà ngày nay Ni giới Hệ phái Khất sĩ mới có nhiều người tốt nghiệp Cử nhân, Thạc sĩ, Tiến sĩ Phật học. Thật đáng trân trọng!

Ni trưởng cho Ni chúng đi học thêm văn hóa, sinh ngữ, cổ ngữ Hán và Pāli, một số học tinh chuyên văn phạm và dịch thuật Pāli. Người khích lệ bằng câu: *“Học Pāli để đền ơn Thầy Tổ, học Pāli để rạng rỡ tông môn; học Pāli để chánh pháp lưu tồn, học Pāli để tiếp cận Kim ngôn Đức Phật”*.

Lại khuyến khích, sách tấn chư Ni học siêng, tu giỏi, vừa học rộng Phật pháp, vừa được hấp thụ thêm những tinh hoa mới của thời đại, vừa được thâm nhuần trong biển pháp của Như Lai. Lúc đó, có nhiều người được Ni trưởng giúp cho du học ở nước ngoài.

Người khẳng quyết hùng hồn:

*Tu có học mới rạng ngời Chánh pháp,
Học có tu mới lợi Đạo ích Đời.*

Người còn chủ động ủng hộ thường xuyên cho việc thành lập Trường Cao cấp Phật học Việt Nam - Cơ sở II tại Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Thi phú văn chương và công trình phiên dịch

Vốn là một thiên tài về văn chương thi phú, nên đạo nghiệp Pháp bảo thơ văn của Ni trưởng cũng vô cùng đa dạng. Ni trưởng đã nổi bật với hạnh nguyện hoằng dương Chánh pháp qua chủ trương Việt hóa. Người đã biên soạn, phiên dịch và diễn thơ các Kinh tạng chữ Hán và Pāli ra chữ Quốc ngữ để Ni chúng và Phật tử dễ học, dễ lãnh hội ý nghĩa súc tích, dễ nhớ, dễ đọc tụng và phổ biến rộng sâu.

Hiện tại, hai bộ Kinh Tam Bảo và Tinh Hoa Bí Yếu đã được in thành tập, phổ biến, tái bản nhiều lần và được đọc tụng hằng ngày trong các thời khóa của Hệ phái. Hai tập thơ của Ni trưởng đã được xuất bản, tập Đóa Sen Thiêng ra đời năm 2012, đã được Trung tâm Sách kỷ lục Việt Nam xác lập *“Tập thơ chuyển Đạo vào Đời được viết theo nhiều thể loại thơ nhất”*.

Ni trưởng để lại cho đời 2.000 bài thơ nội dung súc tích và hàng ngàn bản văn xuôi. Người làm thơ là để giáo hóa môn sinh, đem Đạo vào Đời,

giúp Đòi thẩm Đạo, làm thơ để gởi gắm bồn hoài, gọi hồn dân tộc, thúc giục đấu tranh cho hòa bình, cho lẽ thiện, cho quyền bình đẳng nhân sinh, đặc biệt là bình đẳng nam nữ. Người làm thơ vì vốn rất yêu thơ, rất nhạy cảm, biệt tài xuất khẩu thành thơ, sáng tác nhanh, hay, nội dung Phật chất, dạt dào Pháp vị!

Công hạnh, gương sáng phụng Đạo giúp đời, chí khí hào hùng bất khuất của Người đã được Hòa thượng Thích Từ Thông - Ủy viên Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, cảm khái qua câu đối:

*Chí bất khuất vì hạnh phúc tự do,
Chiếc áo Khất sĩ làm vẻ vang trong Ni giới;
Nguyện kiên cường cho hòa bình độc lập,
Tấm thân nữ lưu nêu gương sáng chốn Tông lâm.*

Ôi! Ni trưởng Huỳnh Liên! Một nhà thơ có tâm hồn cao đẹp, tình yêu nước dạt dào, tình yêu đạo mênh mang! Suối thơ Người như dâng, dâng mãi...

Chính vì vậy, nhà thơ Trụ Vũ đã cung kính tặng Người hai câu đối lúc Người thành thời về xứ Phật:

*Khất sĩ chơn truyền,
Lấy nghĩa non sông làm nghĩa đạo;
Huỳnh Liên viên mãn,
Cùng hương trời đất tỏa hương thơ.*

Thật vậy, vốn là người nhìn xa trông rộng, Ni trưởng luôn ý thức, phổ biến, truyền đạt kiến văn của mình đến mọi người như chư vị Tổ sư tiền bối. Người luôn thể hiện hạnh từ bi, lòng nhân hậu, tình đoàn kết thương yêu vạn loại, không từ bỏ một ai.

Người mở lớp dạy Thiền cho Ni chúng, dạy Giáo lý cho chư Ni đang học tại Ngọc Phương và Cần Thơ, đích thân dạy thi phú văn chương cho chư Ni trẻ hữu duyên được vun bón những cành hoa tư tưởng, thông đạt giáo lý cao thâm để theo kịp trào lưu, tuyên dương chánh pháp. Người những mong trong Ni giới Hệ phái sẽ hiện diện những vị kỳ tài, pháp sư thiết học, vừa hiền thực khiêm cung, vừa đạo hạnh trang nghiêm, viên minh tuệ giác, chứng ngộ cứu cánh Niết Bàn.

Thuở sanh thời, Người thường nhắc lấy sự tu chứng làm chính, chứ không phải tu suông. Hãy quán niệm bốn ơn và lập công bồi đức sống có đạo hạnh và trí tuệ để hoằng dương chánh pháp và giáo hóa chúng sanh, đừng hưởng lạc cầu an. Trí tuệ Người như thần thông, thấy rõ giả chân của cuộc sống... Người thường rạng ngời ánh mắt, bộc lộ niềm vui với câu nói

uom đây kỳ vọng: “*Các cô ơi, tôi sung sướng lắm! Tương lai tôi sẽ có một trăm cô đại học, hiện giờ tôi đang chuẩn bị lo cho các cô đây*”.

Phải chi Ni trưởng chưa về hầu Phật, Ni trưởng sẽ sung sướng mỉm cười, rạng ngời ánh mắt vì thấy hoài bão thưở nào của mình nay đã trở thành hiện thực:

Ni chúng ngoan, giỏi, thành đạt trong công hạnh hoàng dương, xuong minh diệu pháp trong học tập, tu hành, đào tạo Ni tài, triển khai tuệ giác, cứu khổ độ sanh và đồng mãnh kiến lập đạo tràng, không những ở Việt Nam mà còn trải rộng khắp thế giới.

6. Giai đoạn sau giải phóng

Hòa bình lập lại, đất nước được độc lập, thống nhất. Mọi người dân phấn khởi, yên tâm làm ăn. Ni giới Hệ phái Khất sĩ tự hào vì đã góp phần nhỏ bé của mình trong sự nghiệp chung, nay vẫn tiếp tục phát huy truyền thống gắn liền Đạo pháp với Dân tộc trong nhiệm vụ phụng đạo đẹp đời ở những cương vị xã hội mới:

- Đại biểu quốc hội khóa VI (1976-1981) (Nữ đại biểu Phật giáo đầu tiên tham gia quốc hội)
- Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1976-1987)
- Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
- Nhiều nhiệm kỳ là Phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố Hồ Chí Minh
- Phó Chủ tịch Ban Liên lạc Phật giáo yêu nước Thành phố Hồ Chí Minh
- Ủy viên Ban Vận động Thống nhất Phật giáo Việt Nam
- Ủy viên Kiểm soát Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam
- Phó Chủ tịch Ủy ban Bảo vệ Hòa bình Thế giới Thành phố Hồ Chí Minh

Công hạnh và đạo nghiệp viên dung của Người luôn sáng chói trong lòng Đạo pháp và Dân tộc. Người được Đảng và Nhà nước Việt Nam tặng thưởng nhiều Huân chương, Huy hiệu và Bằng khen ca ngợi sự đóng góp vô giá của Người cho Đất nước và Dân tộc thân yêu, cho Hòa bình thế giới.

- Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất
- Huân chương Độc lập hạng Nhì
- Huân chương Quyết thắng hạng Nhất
- Huy hiệu Thành phố Hồ Chí Minh

- Bằng khen 10 năm của Ủy ban Nhân dân Thành phố về công đóng góp cho sự nghiệp giải phóng đất nước và thành phố thân yêu.

KẾT LUẬN

Tóm lại, trong thời đất nước lâm nguy, nhân dân khốn khổ, Ni Trưởng Huỳnh Liên như là một vị chiến sĩ mang ý chí kiên cường, bất khuất không ngại gian khó vẫn hết mình đấu tranh giành độc lập cho dân tộc.

Hòa bình lập lại, Ni trưởng đã tích cực tham gia công cuộc vận động thống nhất Giáo hội Phật giáo Việt Nam bằng tất cả tâm huyết của một nữ tu chân chính luôn lấy nghĩa non sông làm nghĩa đạo. Ni trưởng với vai trò là Trưởng Ni giới Hệ phái Khất sĩ lãnh đạo chư Ni từng bước phát triển theo đúng đường hướng của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong thời kỳ mới.

Tâm lực, nguyện lực và trí lực của Ni trưởng đối với Đạo, đối với chúng sanh là sự dân thân cang trường của một bậc chân tu nhập trần bất nhiễm. Suốt cả cuộc đời Ni trưởng hy sinh cho Đạo pháp, cho dân tộc mà Người luôn hằng tâm niệm:

*Nguyện xin hiến trọn đời mình,
Cho nguồn Đạo pháp, cho tình quê hương.*

Giờ thì Ni trưởng đã dứt khoát với cuộc thế vô thường, nhẹ bước nhàn du, cao đăng Phật quốc. Trải 33 mùa lá rụng, hoa vẫn rơi trên chùa xưa tháp cũ, cảnh vật dẫu có đổi thay, nhưng tâm tư, nguyện vọng, tình cảm và những di ngôn, dấu ấn khó phai nhòa của Người vẫn còn đậm nét trong tâm thức của chúng con.

Chúng con nguyện mãi mãi nỗ lực tinh tấn trong Đạo nghiệp, thực hiện di huấn mà Ni trưởng đã ân cần nhắc nhở:

*Ngày đã cận, cần tu gấp rút,
Giới giữ sao trong sạch như xưa.
Định huệ không thiếu không thừa,
Lợi ích dân chúng, đúng vừa khả năng.*

Xin trân trọng những bước đi trầm hùng của Người, nguyện sống tốt Đời đẹp Đạo đáp nghĩa Ân Sư!

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20/6/2020